



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo Quyết định số: 2816 /QĐ-VPCNCLQG ngày 30 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH SAIGONCERT
Tiếng Anh/ in English: SAIGONCERT CERTIFICATION AND INSPECTION JOINT STOCK
COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 058 - PRO

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/Head office:

Số 139 Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
No.139 Man Thien Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam

Tel: + 84 98 876 9794

Email: saigoncert.hc@gmail.com

Website: <https://saigoncert.com>

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/Accreditation Standards

ISO/IEC 17065:2012: Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ/
Conformity assessment – Requirements for bodies certifying products, processes and services.

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/Accreditation period

Từ/ from 30 / 9 /2026 đến/ to 29 / 9 /2031



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận sản phẩm cho các phạm vi sau/Product certification for the following scopes:

Thực phẩm, thuốc lá, thức ăn chăn nuôi/ Food, tobacco and animal feed:

STT No	Tên sản phẩm Name of product	Chuẩn mực chứng nhận Certification criteria	Thủ tục chứng nhận Certification procedure	Phương thức chứng nhận Type of certification scheme
1.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn hỗn hợp/ <i>Aquaculture feed: Compound feed</i>	QCVN 93:2025/BNNMT	SGC.TT.48	5
			SGC.TT.49	7
2.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn bổ sung/ <i>Aquaculture feed: Feed supplements</i>	QCVN 94:2025/BNNMT	SGC.TT.48	5
			SGC.TT.49	7
3.	Thức ăn thủy sản: Thức ăn tươi sống/ <i>Aquaculture feed: Fresh live feed</i>	QCVN 100:2025/BNNMT	SGC.TT.48	5
			SGC.TT.49	7
4.	Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản/ <i>Aquaculture feed ingredients</i>	QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	SGC.TT.48	5
			SGC.TT.49	7
5.	Thức ăn chăn nuôi - Thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm <i>Animal feed - Compound feeds for livestock</i>	QCVN 01- 183:2016/BNNPTNT QCVN 01- 183:2024/BNNPTNT	SGC.TT.44	5
			SGC.TT.45	7
6.	Thức ăn chăn nuôi (thức ăn truyền thống, thức ăn bổ sung, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho động vật cảnh, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh và thức ăn đậm đặc cho vật nuôi khác)/ <i>Animal feed (traditional feed, feed additives, complete feed for pets, complete feed and concentrated for other domestic animals)</i>	QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT và Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPTNT	SGC.TT.44	5
			SGC.TT.45	7



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

Sản phẩm dầu mỏ và than cốc; Hóa chất, sản phẩm hóa và sợi; Sản phẩm cao su và nhựa/Coke and refined petroleum products; Chemicals, chemical products and fibres; Rubber and plastic products:

ST T No	Tên sản phẩm <i>Name of product</i>	Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Thủ tục chứng nhận <i>Certification procedure</i>	Phương thức chứng nhận <i>Type of certification scheme</i>
1.	Phân bón/ <i>Fertilizer</i>	QCVN 106:2025/BNMT	SGC.TT.17	5
			SGC.TT.22	7

Ghi chú/*Note*: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định SaigonCert phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*Saigoncert Certification and Inspection Joint Stock Company must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*

76